

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2023

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP. HỒ CHÍ MINH

Mã chứng khoán: SAP

Địa chỉ : 240 Trần Bình Trọng, P.4, Quận 5, Tp.HCM

Điện thoại : 028.38353171 Fax: 028- 38352027

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Thông tin khái quát :

Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa Tp.HCM được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp In Sách Giáo Khoa Tp.HCM thuộc Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam (NXBGDVN) theo Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng BGD &ĐT. Công ty đã được Sở kế hoạch đầu tư Tp.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 đăng ký lần đầu ngày 30/01/2004. Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/05/2022 với mã số doanh nghiệp 0303171300. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Tên tiếng Việt	Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa Tp.HCM
Tên giao dịch quốc tế	TEXTBOOK PRINTING JOINT STOCK COMPANY IN HO CHI MINH CITY
Tên viết tắt	HCMTPC (SAPCO)
Trụ sở chính	240 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp.HCM
Điện thoại	(84) 028 38353171
Fax	(84) 028 38352027
Vốn điều lệ theo GCN ĐKKD	26.100.000.000 đồng
Vốn đã góp đến 31/12/2023	12.869.840.000 đồng
Giấy CNĐKKD	Số 4103002074 đăng ký lần đầu ngày 30/01/2004, thay đổi lần gần đây nhất ngày 09/05/2022 với mã số 0303171300.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN-ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 28/03/2018 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có thông báo số 241/TB-SGDHN về việc hủy niêm yết chứng khoán mã chứng khoán SAP kể từ ngày 26/04/2018.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 213/QĐ-SGDHN ngày 26/04/2018 với mã chứng khoán là SAP.

I/ Tình hình Công ty

1. Quá trình phát triển :

Ngành nghề kinh doanh :

- In sách giáo dục, các loại xuất bản phẩm, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.
- Sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm, văn hóa phẩm.
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

2. Tình hình hoạt động:

- Sản lượng trang in chủ yếu là sách giáo dục của NXBGDVN, tuy nhiên trong năm 2023, sản lượng giao in sách giáo dục không đạt theo chỉ tiêu kế hoạch giao in của NXBGDVN.

- Sản lượng sách giáo dục giao in năm 2023 thấp, chỉ bằng 54,6% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân:

✓ Do thay đổi về chính sách, cơ chế và Luật đấu thầu dẫn đến tiến độ giao hàng cho kế hoạch in năm nay chậm hơn các năm trước và sản lượng giao in cũng ít hơn các năm. Từ tháng 4 năm 2023, công ty không có nhiều đơn hàng nên công việc ở các công đoạn không đồng đều, vừa làm vừa chờ việc.

✓ Máy móc thiết bị, công nghệ của Công ty đã quá cũ và lạc hậu nên cũng hạn chế trong việc nhận được các sản phẩm in mới từ NXBGDVN. Công ty đã thanh lý dần một số MMTB cũ và đầu tư máy mới thay thế.

- Do Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của Sở KHĐT và các cơ quan chức năng theo quy định, công ty đã thực hiện việc giảm dư nợ vay vốn ngân hàng theo đề nghị từ phía ngân hàng.

- Lao động ngành in khan hiếm nên khó tuyển dụng, không đủ lao động đứng máy do đó một số máy còn thiếu thợ, sản lượng trang in NXBGDVN giao giảm, công ty không đủ hàng dẫn đến không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Công ty đã nỗ lực tìm kiếm thêm nguồn hàng ngoài nhưng không bù đắp đủ sản lượng SGK, SBT thiếu hụt.

Vì những lý do nêu trên, Công ty đã không hoàn thành được các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2023 do ĐHCĐ giao. Mặc dù không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao nhưng năm qua cũng ghi nhận những mặt tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Doanh thu bằng với 114,7% doanh thu cả năm 2022, lợi nhuận trước thuế 202 triệu đồng so với năm 2022 lỗ 306 triệu đồng.

- Công ty vẫn đảm bảo thu nhập, thực hiện đầy đủ quyền lợi cho người lao động.

- Định hướng phát triển:

a/ In sách giáo dục các loại, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập là hoạt động chủ đạo, phấn đấu để đạt sản lượng trang in, bảo đảm chất lượng và tiến độ, doanh thu và lợi nhuận. Tiếp tục đổi mới công nghệ, thiết bị để đa dạng hóa sản phẩm, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí hạ giá thành, tăng lợi nhuận và mở rộng thị trường.

b/ Công ty cho thuê tạm thời mặt bằng lô đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái - Quận 2, TP.HCM để tìm kiếm nguồn thu nhập khác cho công ty.

c/ Về phát triển trung và dài hạn: Công ty phải có định hướng đầu tư đổi mới 01 số máy móc thiết bị ngành in. Có định hướng khai thác và sử dụng hiệu quả lô đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái - Quận 2 – TP.HCM

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được trong năm:

- Tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2023 có nợ khó đòi là Công ty TNHH SX TM DV Vạn An với số tiền 75.315.940 đồng từ Tháng 5/2016 đến nay, tỷ lệ thu hồi công nợ là 98,0%, công ty đã trích lập quỹ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 75.315.940 đồng; Vật tư hàng hoá tồn kho ít, chủ yếu là vật tư dự trữ sản xuất, do vậy công ty không phải lập các khoản dự phòng giảm giá.

- Nền kinh tế cả nước đã và đang gặp rất nhiều khó khăn, đến nay vẫn chưa khả quan hơn. Các doanh nghiệp không in ấn, quảng cáo tiếp thị nhiều như trước đây, mặt khác máy móc thiết bị đã quá cũ không đáp ứng được nhu cầu in ấn các sản phẩm ngoài SGD nên nguồn hàng in ngoài không nhiều, không đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, chưa tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Thu nhập của công nhân ngành in cả nước nói chung và của công ty nói riêng còn rất thấp, không đảm bảo đời sống của người lao động nên có nhiều lao động nghỉ việc và khó tuyển dụng được lao động mới có tay nghề.

- Trong năm 2023, tiền thuê đất tại 240 Trần Bình Trọng tăng từ 784 triệu đồng/ năm lên 1,246 triệu đồng /năm tăng 58,8% so với năm 2022 việc này làm ảnh hưởng rất lớn đến chi phí, lợi nhuận công ty.

- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam cùng các công ty thành viên là các đơn vị chủ yếu cung cấp nguồn hàng chính cho công ty. Đã giúp công ty ổn định một phần nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm cho người lao động trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn như hiện nay.

2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Tập trung sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, sản lượng, ổn định sản xuất, vượt qua khó khăn để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác khai thác nguồn hàng ngoài sách giáo dục để phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu, tăng doanh thu, lợi nhuận, thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định đời sống CB CNV.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Bảng một số chỉ tiêu đánh giá như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2022
Cơ cấu tài sản về cơ cấu vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	18,4%	18,4%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	81,6%	81,6%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	38,8%	34,4%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	61,15%	65,6%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn)	Lần	0,75	1,01
Khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ và đầu tư ngắn hạn – HTK/ Tổng nợ ngắn hạn)	Lần	0,69	0,76
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng Doanh thu	%	2,2%	(3,9%)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu	%	2,0%	(3,9%)
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	1,7%	(3,0%)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,6%	(3,0%)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng vốn chủ sở hữu	%	2,6%	(4,5%)

Với những lý do nêu trên, Khả năng sinh lời; khả năng thanh toán; Tỷ suất sinh lời của Công ty thấp so với yêu cầu. Trong năm 2023 công ty còn gặp rất nhiều khó khăn nên kết quả không đạt được như mong muốn. Công ty sẽ phấn đấu trong sản xuất kinh doanh để phát huy hiệu quả khi sử dụng vốn đầu tư của cổ đông.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023 (vốn chủ sở hữu): 6.914.231.649 đồng, bằng 53,7% vốn góp của cổ đông (12.869.840.000 đồng).
- Những thay đổi về vốn cổ đông:
 - + Vốn cổ đông là 12.869.840.000 đồng, trong năm không tăng thêm vốn
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 1.286.984 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 1.286.984 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Cổ tức:
 - + Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: Không có cổ tức cho cổ đông.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu kế hoạch về kinh doanh như doanh thu và chỉ tiêu lợi nhuận cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh (%)	
				2023/2 022	TH /KH
1. Doanh thu	7.737	10.500	8.876	114%	84%
2. Lợi nhuận trước thuế	(306)	200	202		101%

3. Báo cáo tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	31/12/2023	31/12/2022
TÀI SẢN			11.307.909.148	10.257.611.033
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.086.593.495	1.886.542.245
I. Tiền và các khoản tương đương ti n	110		939.701.047	1.423.091.876
1. Tiền	111	5	439.701.047	423.091.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	1000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		504.309.017	5.340.413
1. Phải thu khách hàng	131	6	579.624.957	80.656.353
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu ngắn hạn khác	136			
3. Dự phòng ph i thu ngắn hạn khó đòi	137		(75.315.940)	(75.315.940)
IV. Hàng tồn kho	140	8	485.078.418	458.109.956
1. Hàng tồn kho	141	7	485.078.418	458.109.956
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		157.505.013	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		157.505.013	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
4. Thuế và các khoản phải thu NN	153			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.221.315.653	8.371.068.788
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		836.238.718	202.838.718
1. Phải thu dài hạn khác	216		836.238.718	202.838.718
II. Tài sản cố định	220		667.873.608	70.271.096
1. Tài sản cố định hữu hình	221		667.873.608	70.271.096
- Nguyên giá	222		13.707.580.175	16.954.334.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.039.706.567)	(16.884.063.603)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	10	1.186.677.683	1.186.677.683
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.530.525.644	6.911.281.291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.530.525.644	6.911.281.291
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.307.909.148	10.257.611.033

NGUỒN VỐN			11.307.909.148	10.257.611.033
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.393.677.499	3.526.440.512
I. Nợ ngắn hạn	310		2.766.999.816	1.867.762.829
2. Phải trả người bán	311	12	415.845.577	263.400.557
3. Người mua trả tiền trước				
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	13	1.202.933.967	53.117.885
5. Phải trả người lao động	314		320.971.471	260.399.437
6. Chi phí phải trả	315		407.415.241	275.679.564
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	140.353.769	70.768.212
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	333.650.653	998.568.036
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(54.170.862)	(54.170.862)
II. Nợ dài hạn	330		1.626.677.683	1.658.677.683
2. Phải trả dài hạn khác	337		1.626.677.683	1.658.677.683
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.914.231.649	6.731.170.521
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	6.914.231.649	6.731.170.521
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	12.869.840.000	12.869.840.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	106.664.672	106.664.672
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		29.714.294	29.714.294
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	(6.091.987.317)	(6.275.048.445)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.307.909.148	10.257.611.033

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.876.416.498	7.737.713.632
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.876.416.498	7.737.713.632
4. Giá vốn hàng bán	11		6.903.255.885	6.054.098.171
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.973.160.613	1.683.615.461
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		28.173.602	28.495.101
7. Chi phí tài chính	22		87.633.641	88.568.634
8. Chi phí bán hàng	25		174.674.978	208.820.378
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.069.148.154	1.829.118.080
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}	30		(330.122.558)	(414.396.530)

11. Thu nhập khác	31		536.979.221	107.954.021
12. Chi phí khác	32		4.272.954	132.487
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		532.706.267	107.821.534
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		202.583.709	(306.574.996)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		19.522.581	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		183.061.128	(306.574.996)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		142	(238)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		9.059.291.770	8.147.018.613
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.713.418.743)	(2.570.647.196)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.711.200.268)	(3.494.518.277)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(93.819.632)	(84.010.220)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		255.206.115	1.348.710.532
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.314.079.919)	(2.529.122.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		481.979.323	817.431.331
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(665.000.000)	
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	22		336.373.629	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.173.602	28.495.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(300.452.769)	28.495.101
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.389.224.291	3.579.157.232
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.054.141.674)	(3.573.973.047)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(664.917.383)	5.184.185
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(483.390.829)	851.110.617

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.423.091.876	571.981.259
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		939.701.047	1.423.091.876

IV. Các công ty có liên quan:

Công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đến ngày 31/12/2023

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	415.170	32,259%
2	Công ty TNHH ĐT XNK Viễn Đông	314.900	24,468%
3	Công ty TNHH ĐT BĐS Bến Thành	300.000	23,310%
4	Công ty TNHH ĐT & PT BĐS Bình Minh	63.200	4,911%

V. Tổ chức và nhân sự:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả cổ đông có sở hữu cổ phần tại thời điểm chốt danh sách đều được tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của công ty.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông và Giám đốc để tổ chức chỉ đạo, lãnh đạo các hoạt động của công ty.

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Ban Giám đốc

Ban giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Ban Giám đốc có nhiệm vụ tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.

Các phòng ban liên quan, xưởng sản xuất.

5. Về nhân sự năm 2023:

Đến ngày 31/12/2023, tổng số CBCNV của Công ty là 41 người. Trong đó, cán bộ quản lý và nhân viên văn phòng là 8 người.

VI. Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty

Cơ cấu cổ đông thời điểm 31/12/2023.

STT	Cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
	Vốn nhà nước		415.170	32,26%
1	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam		415.170	32,26%
	HĐQT, BKS, BGĐ, KTT		330	0,002%
1	Ông Nguyễn Đức Toàn	CT HĐQT	0	0,000%
2	Ông Đỗ Thành Lâm	TV HĐQT	330	0,002%
3	Ông Trần Văn Hưng	TV HĐQT	0	0,000%
4	Ông Lâm Drachan	TV HĐQT kiêm Giám đốc	0	0,000%
5	Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc	Kế toán trưởng	0	0,000%
6	Ông Lê Văn Huyền	Trưởng BKS	0	0,000%
7	Bà Hoàng Ngọc Mai Khanh	TV BKS	0	0,000%
8	Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	TV BKS	0	0,000%
	Cổ đông khác		871.484	67,71%
	Tổng cộng		1.286.984	100,00%

VII. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC - địa chỉ: 78-80, Đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

1. Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 17, vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 26.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm 31/12/2023, vốn góp thực tế của các cổ đông là 12.869.840.000 đồng. Đại hội cổ đông bất thường dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 09/09/2022 đã thông qua việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành vốn thực góp. Hiện nay, Công ty đang làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn về thủ tục giảm vốn theo số thực góp.

2. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của Kiểm toán viên:

Ban Giám đốc Công ty thống nhất với ý kiến của Kiểm toán, thực hiện nghiêm chỉnh các khuyến cáo của Kiểm toán viên nhằm mục đích minh bạch, chính xác, đúng các quy định hiện hành, điều lệ công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và đặc thù ngành nghề kinh doanh của công ty.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)

Tp.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Giám đốc

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGKCKHN.
- Đăng trang Web công ty.
- Lưu



Lâm Drachan

